

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Bá Luyến

2/ Bà Dương Thị Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - KSV.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Th - sinh năm 1994

Địa chỉ: tiểu khu Th, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Trung D - sinh năm 1990.

Địa chỉ: tiểu khu Th, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày: Chị và anh Bùi Trung D kết hôn ngày 23/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh

phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trước khi kết hôn chị và anh D không tìm hiểu kỹ về nhau, do sự khác biệt về quan điểm sống nên thường xuyên bất hòa, không khí gia đình luôn căng thẳng và càng nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Kể từ tháng 7/2020, vợ chồng đã sống ly thân, anh D không quan tâm gì đến vợ con. Nay chị xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Trung D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, là Bùi Phan Như A sinh ngày 26/10/2016 và Bùi Phan Duy A sinh ngày 19/11/2018. Hiện tại các cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có một mảnh đất ở, thửa đất số 217; Địa chỉ: xã Nga Hưng (nay là tiểu khu Th, Thị Trấn N), huyện N, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 120 m² trị giá khoảng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và một căn nhà cấp 4 diện tích 80 m² được xây dựng trên mảnh đất này từ năm 2017 trị giá khoảng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Tổng giá trị cả nhà và đất khoảng 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), chị đề nghị được nhận nhà và đất. Chị có trách nhiệm trả lại ½ giá trị tài sản cho anh D.

Sau khi thụ lý vụ án, anh D biết được chị Th khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th xét thấy có thể thương lượng phân chia tài sản với anh D, nên ngày 09/8/2022 chị làm đơn đề nghị rút yêu cầu phân chia tài sản. chị không yêu cầu giải quyết về nhà và đất.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Th, cho chị Trương Thị Th được ly hôn anh Bùi Trung D.

Về con: Giao cả 02 cháu Bùi Phan Như A, sinh ngày 26/10/2016 và Bùi Phan Duy A, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của chị Trương Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Bùi Trung D. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Bùi Trung D biết việc chị Trương Thị Th xin ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 09/9/2022 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh D vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy, việc anh D không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh. Tại phiên tòa hôm nay chị Th có mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử lần 2 vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Th và anh Bùi Trung D kết hôn ngày 23/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trước khi kết hôn anh chị không tìm hiểu kỹ về nhau, do sự khác biệt về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên bất hòa, không khí gia đình luôn căng thẳng và càng nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Kể từ tháng 7/2020 đến nay, chị Th và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022 trưởng tiểu khu Th, thị trấn N cho biết: mâu thuẫn thực sự của vợ chồng thế nào ông không rõ, chỉ biết thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau, gây ồn ào mất trật tự làng xóm, anh D thỉnh thoảng đêm về nhà lại gây sự cãi nhau với chị Th. Các đoàn thể đã đến động viên, khuyên giải nhưng vẫn không được.

HĐXX xét thấy, cuộc hôn nhân của chị Th và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Th được ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Th và anh D có 02 con chung là Bùi Phan Như A - sinh ngày 26/10/2016 và Bùi Phan Duy A - sinh ngày 19/11/2018. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu về nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bố và mẹ là ngang nhau, nhưng từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt tại Tòa án nên không biết được quan điểm của anh D về việc chị Th yêu cầu. Từ khi chị Th và anh D sống ly thân nhau đến nay cả hai cháu đều ở với chị Th; cũng tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022 trưởng tiểu khu Th, thị trấn N cũng cho biết: Hiện tại cả 02 cháu đang sống cùng mẹ tại tiểu khu Th. Anh D đi đâu, làm gì không rõ, chỉ thấy thỉnh thoảng anh D có mặt ở nhà, sau đó lại đi vắng. Do vậy, nên xử giao cả 02 cháu cho chị Trương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về mức cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên miễn xét.

[4] Về tài sản: HĐXX xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 chị Th yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất ở với tổng giá trị tài sản khoảng 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Nhưng ngày 09/8/2022 chị Th có đơn đề nghị rút yêu cầu phân chia tài sản. Tại phiên tòa chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản. Do chị Th không yêu cầu, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm(DSST) về việc ly hôn và trả lại cho chị Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Th, cho chị Trương Thị Th được ly hôn anh Bùi Trung D.

2- Về con chung: Giao cả hai cháu Bùi Phan Như A, sinh ngày 26/10/2016 và Bùi Phan Duy A, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Trương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Trương Thị Th phải nộp 300.000đ án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị Th đã nộp và trả lại cho chị Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014891 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4 - Về quyền kháng cáo: Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyền